

TÁC ĐỘNG CỦA TÍN DỤNG NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI ĐẾN THU NHẬP CỦA HỘ NGHÈO TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK

Võ Xuân Hội¹, Nguyễn Đức Quyền¹, Phạm Thanh Hùng¹, Vũ Trinh Vương¹,
Nguyễn Thị Trà Giang¹, Trương Hồng Hà¹, Đàm Thị Ly², Võ Thị Thu Nguyệt³

Ngày nhận bài: 11/7/2024; Ngày phản biện thông qua: 26/7/2024; Ngày duyệt đăng: 27/7/2024

TÓM TẮT

Bài viết là kết quả nghiên cứu tác động của tín dụng Ngân hàng Chính sách Xã hội đối với thu nhập của hộ nghèo trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Từ số liệu khảo sát 240 hộ nghèo, có vay vốn của Ngân hàng Chính sách Xã hội, tác giả sử dụng phương pháp hồi quy đa biến để phân tích. Kết quả phân tích cho thấy, có 04 yếu tố có tác động đến thu nhập của hộ nghèo: Lượng vốn vay; Lao động của hộ; Tiết kiệm và Quy mô hộ. Xuất phát từ kết quả phân tích, ba giải pháp giúp tác động của tín dụng Ngân hàng Chính sách Xã hội đối với thu nhập của hộ nghèo trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk hoàn thiện hơn đã được đề xuất.

Từ khóa: tín dụng, ngân hàng chính sách xã hội, thu nhập hộ nghèo.

1. MỞ ĐẦU

Chương trình xóa đói giảm nghèo đã và đang được cả hệ thống chính trị của nước ta thực hiện đồng bộ, với nhiều chính sách. Trong đó, chính sách tín dụng ưu đãi được thực hiện qua Ngân hàng Chính sách Xã hội (NHCSXH) cho hộ nghèo luôn được quan tâm và đóng vai trò quan trọng.

Là một trong những tỉnh miền núi nằm ở Trung tâm của khu vực Tây Nguyên, Đắk Lắk có vị trí địa lý đặc biệt quan trọng về an ninh, chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội. Bên cạnh đó Đắk Lắk là một tỉnh có tỷ lệ hộ nghèo còn cao, cho nên trong thời gian qua NHCSXH tỉnh Đắk Lắk đã chú trọng thực hiện các chương trình tín dụng đối với hộ nghèo. Theo báo cáo của Ngân hàng Chính sách Xã hội Chi nhánh tỉnh Đắk Lắk, tính đến hết năm 2023, toàn tỉnh đã có trên 10.000 lượt hộ nghèo được vay vốn, với tổng số vốn cho vay hơn 1.847 tỷ đồng. Nguồn vốn tín dụng đối với hộ nghèo được NHCSXH tỉnh Đắk Lắk triển khai thực hiện đã phát huy hiệu quả, là đòn bẩy kinh tế quan trọng giúp người nghèo có điều kiện phát triển sản xuất, cải thiện cuộc sống, thu hẹp khoảng cách giàu nghèo, hạn chế, ngăn ngừa tình trạng tín dụng đen, góp phần quan trọng vào công tác giảm nghèo bền vững của địa phương. Thế nhưng theo Báo cáo kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2023 của tỉnh Đắk Lắk, thì đến cuối năm 2023, Đắk Lắk vẫn còn 46.091 hộ nghèo (chiếm tỷ lệ 9,15%), theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025 (Báo cáo kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2023 của Bộ Lao

động - Thương binh và xã hội).

Xuất phát từ những vấn đề nêu trên, nên việc nghiên cứu “*Tác động của tín dụng Ngân hàng Chính sách Xã hội đến thu nhập của hộ nghèo tại tỉnh Đắk Lắk*” là cấp thiết và cần được nghiên cứu.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Cơ sở lý thuyết

Tín dụng NHCSXH là việc Nhà nước tổ chức huy động các nguồn lực tài chính để cho vay ưu đãi cho hộ nghèo và các đối tượng chính sách nhằm tạo việc làm, cải thiện đời sống, hạn chế tình trạng đói, nghèo cho nhóm đối tượng này (Nghị định 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002).

Nghị định số 07/2021/NĐ-CP, ngày 27/01/2021 quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 thay thế cho Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg quy định từ năm 2022, hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 2 triệu đồng trở xuống ở thành thị và từ 1,5 triệu đồng trở xuống ở nông thôn; thiếu hụt 3 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên được coi là hộ nghèo. (Các dịch vụ xã hội cơ bản gồm: việc làm; y tế; giáo dục; nhà ở; nước sinh hoạt và vệ sinh; thông tin).

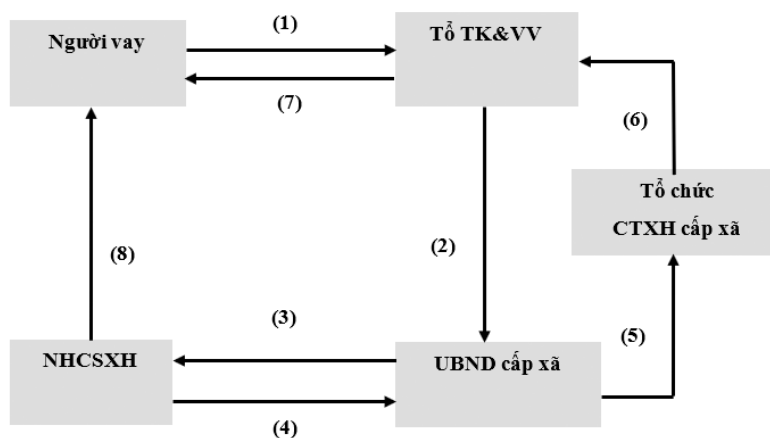
Quy trình xét duyệt cho vay hộ nghèo:

¹Khoa Kinh tế, Trường Đại học Tây Nguyên;

²Phòng Kế hoạch Tài chính, Trường Đại học Tây Nguyên;

³Phòng Khoa học & Quan hệ quốc tế, Trường Đại học Tây Nguyên;

Tác giả liên hệ: Võ Xuân Hội; ĐT: 0905841851; Email: vxhoi@ttn.edu.vn.



Hình 1. Sơ đồ quy trình xét duyệt cho vay hộ nghèo

Nguồn: NHCSXH Việt Nam.

Qua sơ đồ ở hình 1, thì quy trình xét duyệt cho vay hộ nghèo được thực hiện qua 8 bước như sau:

Bước 1: Khi có nhu cầu vay vốn, người vay viết Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn vay, gửi cho Tổ tiết kiệm và vay vốn.

Bước 2: Tổ tiết kiệm và vay vốn cùng tổ chức hội, đoàn thể tổ chức họp để bình xét công khai những hộ nghèo đủ điều kiện vay vốn, lập danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn NHCSXH, trình UBND cấp xã xác nhận là đối tượng được vay và cư trú hợp pháp tại xã.

Bước 3: Tổ tiết kiệm và vay vốn gửi hồ sơ đề nghị vay vốn tới ngân hàng.

Bước 4: Ngân hàng phê duyệt cho vay và thông báo tới UBND cấp xã.

Bước 5: UBND cấp xã thông báo cho tổ chức hội, đoàn thể cấp xã.

Bước 6: Tổ chức hội, đoàn thể cấp xã thông báo cho Tổ tiết kiệm và vay vốn.

Bước 7: Tổ tiết kiệm và vay vốn thông báo cho tổ viên/hộ gia đình vay vốn biết danh sách hộ được vay, thời gian và địa điểm giải ngân.

Bước 8: Ngân hàng tiến hành giải ngân trực tiếp cho người vay tại Điểm giao dịch xã đặt tại UBND cấp xã nơi hộ vay cư trú hoặc tại trụ sở NHCSXH nơi cho vay.

Trong những năm gần đây, nhiều tác giả trong nước và trên thế giới quan tâm, nghiên cứu về vai trò, tác động của tài chính vi mô cũng như tín dụng chính sách xã hội đối với hộ nghèo. Đa phần các công trình nghiên cứu đều cho rằng, tín dụng vi mô có tác động tích cực trong việc giảm nghèo. Trong nghiên cứu của Nichols (2004), những người đi vay là những người nghèo nhất thì tốc độ tăng thu nhập nhanh hơn những người vay có điều kiện tương đối. Tác giả Khandker (2003) trong nghiên cứu của mình cũng kết luận rằng, các khoản vay

nhỏ đối với hộ nghèo ở khu vực nông thôn có tác dụng cải thiện thu nhập và mức sống.

Một số nghiên cứu ở Việt Nam cũng khẳng định tín dụng và tiếp cận tín dụng là điều kiện quan trọng quyết định khả năng nâng cao mức sống và thoát khỏi nghèo của các hộ nghèo. Để nghiên cứu, đánh giá tác động của tín dụng đối với giảm nghèo ở nông thôn Việt Nam, Phan Thị Nữ (2010) đã sử dụng phương pháp khác biệt kết hợp với hồi quy OLS để phân tích dựa trên bộ dữ liệu Điều tra mức sống hộ gia đình năm 2004 và 2006. Kết quả nghiên cứu cho thấy, tín dụng có vai trò quan trọng trong việc nâng cao mức sống cho người nghèo. Nguyễn Kim Anh và các cộng sự (2011) với nghiên cứu “tài chính vi mô với người nghèo tại Việt Nam - Kiểm định và so sánh” đồng thuận cao về tính hiệu quả của tín dụng vi mô với cuộc chiến giảm nghèo của quốc gia. Mai Thị Hồng Đào (2016) nghiên cứu tác động của tài chính vi mô đến thu nhập của hộ nghèo ở Việt Nam. Kết quả phân tích cho thấy tín dụng vi mô có tác động đến thu nhập của hộ nghèo, vốn vay giúp họ cải thiện đời sống và tăng thu nhập. Kết quả của các nghiên cứu còn chỉ ra các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của hộ nghèo, gồm: trình độ học vấn của chủ hộ, trình độ học vấn của lao động trong hộ, số hoạt động tạo thu nhập, tiếp cận chính sách hỗ trợ, độ tuổi, quy mô hộ, tỷ lệ phụ thuộc, tổng tài sản, tín dụng vi mô và khu vực.

2.2. Phương pháp thu thập số liệu

Để kết quả phân tích hồi quy tốt, thì cỡ mẫu phải thỏa mãn công thức $n \geq 8k + 50$ (Tabachnick và Fidell-1991), trong đó: n là cỡ mẫu và k là số biến độc lập của mô hình nghiên cứu. Mô hình được sử dụng của nghiên cứu có 9 biến, nên cỡ mẫu là $n \geq 122$ quan sát. Nhưng để tăng độ tin cậy hơn của kết quả phân tích, tác giả khảo sát 240 hộ nghèo có vay vốn tín dụng từ NHCSXH.

2.3. Mô hình nghiên cứu và phương pháp phân tích

Để thực hiện các nội dung nghiên cứu, ngoài các phương pháp so sánh, chi tiết và diễn dịch, thì phương pháp hội quy đa biến được sử dụng để phân tích mức độ ảnh hưởng của các yếu tố ảnh hưởng đến tín dụng NHCSXH đối với thu nhập của hộ nghèo trên địa bàn nghiên cứu.

Dựa trên cơ sở lý thuyết và các nghiên cứu trước có liên quan, kết hợp với quan sát thực tiễn địa bàn nghiên cứu, tác giả đề xuất mô hình nghiên

cứ tác động của tín dụng NHCSXH đến thu nhập của hộ nghèo tại tỉnh Đắk Lắk như sau:

$$Y = b_0 + b_1X_1 + b_2 X_2 + \dots + b_9X_9 + e_i$$

Trong đó:

Y: Biến phụ thuộc, thu nhập của hộ nghèo.

X_i ($i = 1 - 9$): Các biến độc lập.

b_i : Hệ số hồi quy.

e_i : Phần dư.

Việc lựa chọn các biến độc lập (X_i) cùng với kỳ vọng về dấu và cơ sở chọn biến được trình bày ở Bảng 1.

Bảng 1. Các biến độc lập trong mô hình nghiên cứu

Ký hiệu	Tên biến	Giải thích biến	Kỳ vọng	Nguồn
X_1	Lượng vốn vay	Số tiền vay (triệu đồng)	+	Trịnh & Phương (2014), Vương Quốc Duy (2013)
X_2	Kỳ hạn vay	Khoảng thời gian từ khi vay đến khi trả (tháng)	+	Trịnh & Phương (2014), Brown (2010)
X_3	Số lần vay vốn	Số lần vay vốn tại ngân hàng	+	Lê Khương Ninh và Phạm Văn Hùng (2010)
X_4	Trình độ học vấn	Trình độ học vấn của chủ hộ	+	Trương Đông Lộc (2011), Đinh Phi Hồ và Đồng Đức (2015)
X_5	Quy mô hộ	Số nhân khẩu trong hộ (người)	-	Nguyễn Trọng Hoài (2005), Đinh Phi Hồ và Đồng Đức (2015)
X_6	Lao động của hộ	Số lao động của hộ	+	Đinh Phi Hồ và Đồng Đức (2015)
X_7	Diện tích đất	Diện tích đất của hộ (1.000m ²)	+	Vương Quốc Duy, 2013, Đinh Phi Hồ và Đồng Đức (2015)
D_1	Tiết kiệm	Hộ có tiết kiệm được tiền hay không (Có: 1, Không: 0)	+	Đinh Phi Hồ và Đồng Đức (2015), Lâm Thái Bảo Ngọc (2020)
D_2	Dân tộc	Dân tộc (Kinh:1, khác 0)	+	Phan Đình Khôi (2012); Trương Đông Lộc và Đặng Thị Thảo (2012)

Nguồn: Tác giả đề xuất

Qua bảng 1 ta thấy, mô hình nghiên cứu đề xuất có 9 biến độc lập.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

Bảng 2. Đặc điểm của mẫu nghiên cứu

TT	Chỉ tiêu	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Giới tính chủ hộ		
	Nam	155	64,6
	Nữ	85	35,4
2	Dân tộc		
	Kinh	152	63,3
	Mnông	37	15,4
	Ê Đê	29	12,1
	Khác	22	9,2
3	Trình độ học vấn		
	Tiểu học	29	12,1

3.1. Một số đặc điểm và thông tin vay vốn của hộ nghèo

Đặc điểm của hộ nghèo từ kết quả khảo sát được phân tích qua bảng 2 như sau:

TT	Chỉ tiêu	Số lượng	Tỷ lệ %
	Trung học cơ sở	151	62,9
	Trung học phổ thông và trên THPT	60	25,0

Nguồn: Tính toán của tác giả.

Bảng 3. Đặc điểm nhân khẩu và kinh tế của hộ nghèo

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Nhỏ nhất	Lớn nhất	Trung bình
1	Thu nhập bình quân/năm	Triệu đồng/hộ	13	95	53
2	Số nhân khẩu	Người	2	10	5
3	Số lao động	Người	2	7	4
4	Độ tuổi	Năm	31	74	47

Nguồn: Tính toán của tác giả.

Kết quả phân tích ở bảng 2 và bảng 3 cho thấy, đặc điểm nhân khẩu học và đặc điểm kinh tế - xã hội của hộ nghèo qua khảo sát như sau: Đại bộ phận chủ hộ nghèo là nam giới, bên cạnh đó đa phần chủ hộ nghèo là dân tộc Kinh, trình độ học vấn của chủ hộ nghèo chủ yếu là trung học cơ sở. Thu nhập bình quân của hộ nghèo là 53 triệu đồng/

hộ, số nhân khẩu của hộ bình quân là 5 người, số lao động bình quân của hộ là 4 người và độ tuổi bình quân là 47 tuổi.

Thông tin cơ bản về vay vốn của hộ nghèo có liên quan đến mô hình nghiên cứu được phân tích qua bảng 4 như sau:

Bảng 4. Thông tin vay vốn của hộ nghèo

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Nhỏ nhất	Lớn nhất	Trung bình
1	Số tiền vay	Triệu đồng	5	90	30
2	Kỳ hạn vay	tháng	18	60	48
3	Lãi suất	%/năm	6,6	6,6	6,6

Nguồn: Tính toán của tác giả.

Kết quả phân tích ở bảng 4 cho thấy, số tiền vay tại NHCSXH bình quân của hộ là 30 triệu đồng, lãi suất vay theo quy định đối với hộ nghèo là 6,6%/năm và kỳ hạn vay bình quân là 48 tháng.

3.2. Kết quả phân tích hồi quy

Theo kết quả ở bảng 5 thì mô hình hồi quy tuyến tính có phân tích phương sai (Analysis Of Variance, ANOVA) đủ điều kiện để có thể nói mô hình được xây dựng phù hợp với tập dữ liệu, với $R^2 = 0,837$. Như vậy, 83,7% thay đổi thu nhập của hộ nghèo được giải thích bởi 4 biến độc lập.

Độ phóng đại phương sai (VIF) có giá trị $VIF < 10$, có thể khẳng định mô hình hồi quy không có hiện tượng đa cộng tuyến. Trị số Durbin-Watson = 1,695 mô hình không có hiện tượng tự tương quan trong phần dư. Kết luận, mô hình đảm bảo có ý nghĩa thống kê với các kiểm định đã được tiến hành, phương trình hồi quy với các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của hộ nghèo như sau:

$$Y = 47,510 + 1,279X_1 - 4,299X_5 + 5,952X_6 + 8,624D_1$$

Bảng 5. Kết quả ước lượng mô hình hồi quy

Các biến quan sát	Hệ số chưa chuẩn hóa	Hệ số được chuẩn hóa	Giá trị t	Mức ý nghĩa (giá trị Sig)	Thống kê đa cộng tuyến
	Giá trị Beta	Giá trị Beta			Hệ số phóng đại của phương sai (VIF)
(Hằng số)	47.510		6.362	.000	
X_1^*	1.279	.746	12.752	.000	2.624
X_2^{ns}	-.102	-.049	-.859	.391	2.479
X_3^{ns}	2.969	.068	1.534	.126	1.496
X_4^{ns}	-1.519	-.036	-.915	.361	1.201
X_5^*	-4.299	-.189	-4.248	.000	1.513
X_6^*	5.952	.286	6.062	.000	1.695

Các biến quan sát	Hệ số chưa chuẩn hóa	Hệ số được chuẩn hóa	Giá trị t	Mức ý nghĩa (giá trị Sig)	Thống kê đa cộng tuyến
	Giá trị	Giá trị			Hệ số phóng đại của phương sai (VIF)
	Beta	Beta			
X_7^{ns}	-.001	-.047	-1.189	.236	1.218
D_1^*	8.624	.152	3.538	.000	1.416
D_2^{ns}	-.499	-.010	-.251	.802	1.118

R²: 0,837; Sig: 0,000; F: 59,672; Durbin-Watson: 1,695

Ghi chú: *, **, *** tương ứng với độ tin cậy 99%, 95%, 90%; ^{ns} không có ý nghĩa thống kê.

Nguồn: Phân tích từ số liệu khảo sát, năm 2023

Qua kết quả hồi quy tại bảng 4 cho thấy có 4 biến: Lượng vốn vay (X_1), Quy mô hộ (X_5), Lao động của hộ (X_6), Tiết kiệm (D_1) với mức ý nghĩa 1% và có ý nghĩa thống kê với thu nhập của hộ nghèo, trong đó có 3 biến Lượng vốn vay (X_1), Lao động của hộ (X_6), và Tiết kiệm (D_1) có tác động thuận chiều, còn biến Quy mô hộ (X_5) có tác động ngược chiều đến thu nhập của hộ nghèo. Các biến còn lại: Kỳ hạn vay (X_2), Số lần vay vốn (X_3), Trình độ học vấn (X_4), Diện tích đất (X_7), Dân tộc (D_2) không đảm bảo ý nghĩa thống kê.

Nhận xét rút ra từ kết quả hồi quy:

- **Lượng vốn vay (X_1):** tác động thuận đến thu nhập của hộ nghèo với độ tin cậy 99%. Biến này có kết quả đúng với kỳ vọng dấu ban đầu (+). Nói một cách khác, lượng vốn vay từ NHCSXH làm tăng thu nhập của hộ nghèo. Biến lượng vốn vay có hệ số $\beta=1,279$ (với mức ý nghĩa 1%). Như vậy, khi các yếu tố khác trong mô hình không thay đổi, khi lượng vốn vay tăng lên 1 triệu đồng thì thu nhập của hộ nghèo tăng 1,279 triệu đồng.

Lượng vốn vay có tác động tích cực trong việc cải thiện thu nhập của hộ nghèo, khi có vốn hộ nghèo có thể nắm bắt cơ hội sản xuất kinh doanh, đầu tư, cải tiến máy móc thiết bị để gia tăng lợi nhuận. Người nghèo khi tiếp cận với nguồn vốn cần thiết để vận hành hoạt động sản xuất kinh doanh sẽ có cơ hội cải thiện thu nhập và phá vỡ vòng lẩn quẩn nghèo. Tổng số tiền vay càng lớn thì cơ hội đầu tư sản xuất kinh doanh càng cao từ đó nguồn thu nhập mang lại cũng sẽ nhiều hơn. Với kết quả này một lần nữa khẳng định lượng vốn vay có tác động tích cực đến thu nhập của hộ nghèo vay vốn; đồng thời cũng tương đồng kết quả của Nichols (2004), Brown (2010), Nguyễn Kim Anh (2011), Đinh Phi Hồ và Đông Đức (2015).

- **Quy mô hộ (X_5):** có ảnh hưởng nhiều đến thu nhập của hộ nghèo với mức ý nghĩa 1%. Quy mô hộ có mối quan hệ trái chiều với thu nhập, kết quả dấu đúng với kỳ vọng dấu ban đầu (-). Hệ số hồi quy của biến quy mô hộ có giá trị là - 4,299. Có thể

hiểu rằng, trong điều kiện các yếu tố khác không đổi, khi quy mô hộ nghèo tăng thêm một người thì thu nhập của hộ nghèo sẽ giảm đi 4,299 triệu đồng. Những người nghèo thường có quy mô hộ lớn hơn so với người khá giả, dẫn đến nghèo càng thêm nghèo do gánh nặng về chi phí trang trải cho cuộc sống (chi phí thực phẩm, y tế, giáo dục...). Ngoài ra, quy mô hộ gia đình lớn làm tăng rủi ro cho các khoản Chi phí bất ngờ, chẳng hạn, xác suất xảy ra các sự kiện bất ngờ như ốm đau, tai nạn hay các chi phí đột xuất khác cao hơn do đó cũng làm thu nhập của hộ nghèo. Nghiên cứu này cho kết quả tương đồng với kết luận của Mai Thị Hồng Đào (2016).

- **Lao động của hộ (X_6):** có tác động đến thu nhập của hộ nghèo với mức ý nghĩa 1%. Lao động có tác động thuận đến thu nhập của hộ nghèo, hệ số hồi quy của biến lao động của hộ có giá trị là $\beta=5,952$. Điều này có nghĩa là trong trường hợp các yếu tố khác trong mô hình không thay đổi, khi lao động của hộ tăng lên một lao động thì thu nhập của hộ nghèo tăng 5,952 triệu đồng.

Với nhiều người lao động hơn, tổng thu nhập của hộ gia đình sẽ tăng lên. Nhiều nguồn thu nhập giúp đảm bảo rằng hộ gia đình có đủ tiền để chi trả các chi phí sinh hoạt. Bên cạnh đó, khi có nhiều người lao động, rủi ro mất thu nhập từ một cá nhân sẽ được giảm bớt vì vẫn còn những người khác có thể tạo ra thu nhập. Ngoài ra, với nhiều nguồn thu nhập, các hộ gia đình có thể dễ dàng hơn trong việc tích lũy và tiết kiệm một phần thu nhập cho hộ gia đình. Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Đinh Phi Hồ và Đông Đức (2015).

- **Tiết kiệm (D_1):** có tác động mạnh nhất đến thu nhập của hộ nghèo với mức ý nghĩa 1%. Biến tiết kiệm có mối quan hệ cùng chiều với thu nhập, đúng với kỳ vọng dấu ban đầu (+). Đối với các hộ nghèo thì yếu tố tiết kiệm rất quan trọng. Hệ số hồi quy của biến tiết kiệm có giá trị là $\beta=8,624$. Có ý nghĩa, trong điều kiện các yếu tố khác không đổi, khi hộ có tiết kiệm thì thu nhập của hộ nghèo sẽ tăng lên 8,624 triệu đồng.

Tiết kiệm giúp các hộ nghèo tích lũy dự trữ tài chính để sử dụng trong các trường hợp khẩn cấp hoặc khi cần thiết. Điều này giúp họ có sự an toàn tài chính hơn và không phải dựa vào vay mượn hoặc hỗ trợ từ bên ngoài. Tiết kiệm còn tạo cơ hội đầu tư, bằng cách tiết kiệm, các hộ nghèo có thể tích lũy được một số vốn nhỏ nhất định. Vốn này có thể được dùng để đầu tư cho sản xuất, từ đó tăng thu nhập và cải thiện đời sống. Bên cạnh đó tiết kiệm cũng giúp phòng ngừa rủi ro, giúp cho các hộ nghèo có khả năng chống chọi với các sự kiện bất ngờ như thất nghiệp, bệnh tật hoặc thảm họa tự nhiên mà không cần phải đi vay nợ với lãi suất cao từ đó giúp ổn định nguồn thu nhập của hộ nghèo. Việc tiết kiệm không chỉ giúp cải thiện thu nhập ngay lập tức mà còn mang lại những lợi ích lâu dài về mặt tài chính cho các hộ nghèo. Kết quả của nghiên cứu này đồng nhất với kết quả thu được trong nghiên cứu của Đinh Phi Hồ và Đông Đức (2015), Lâm Thái Bảo Ngọc (2020).

3.3. Giải pháp

Xuất phát từ kết quả phân tích hồi quy, hệ thống giải pháp nhằm góp phần hoàn thiện tín dụng NHCSXH đối với thu nhập của hộ nghèo trên địa bàn nghiên cứu như sau :

Tăng cường quy mô các khoản vay tín dụng cho các hộ nghèo: NHCSXH cũng như các nhà hoạch định chính sách cần nghiên cứu tăng giá trị các khoản vay cho các hộ nghèo, huy động và mở rộng nguồn vốn cho vay kịp thời và phân bổ vốn đến đúng đối tượng cần vốn để hộ nghèo có nguồn lực thực hiện phát triển kinh tế để tăng thu nhập.

Tăng số lao động và giảm số người phụ thuộc của hộ: Việc mở rộng quy mô lao động cần đa dạng hóa lao động, việc làm cho bản thân và các thành viên trong gia đình. Bên cạnh đó chính quyền địa phương cần có giải pháp về đào tạo nghề, tạo việc làm phù hợp cho người có khả năng lao động để

giảm tỷ lệ thất nghiệp, sống phụ thuộc trong các hộ nghèo.

Tạo lập ý thức tiết kiệm và gia tăng khả năng trả nợ cho người nghèo khi tham gia vay vốn. Khi người nghèo thực hiện gửi tiền tiết kiệm nhiều thì việc gia tăng thu nhập qua các năm sẽ dễ dàng hơn. Vì vậy, ngân hàng bắt buộc người vay phải thực hiện gửi tiết kiệm hàng tháng khi tham gia vay vốn. Thực hiện điều này, ngân hàng vừa tạo lập cho người nghèo ý thức tiết kiệm trong chi tiêu, sinh hoạt hàng ngày để có số vốn tích lũy trong tương lai và đảm bảo khả năng trả nợ cho gia đình vừa giúp tổ tiết kiệm và vay vốn có được số vốn để cho vay đối với các thành viên mới.

4. KẾT LUẬN

Thu nhập luôn là vấn đề quan tâm của mỗi hộ gia đình, nhất là với những hộ nghèo. Kết quả nghiên cứu cho thấy thu nhập của hộ nghèo bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố, trong đó tín dụng của NHCSXH có vai trò quan trọng. Tín dụng của NHCSXH đã góp phần tăng thu nhập của hộ nghèo trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Kết quả nghiên cứu cho thấy, để tăng thu nhập cho các hộ nghèo vay vốn tại ngân hàng chính sách xã hội, cần tăng cường quy mô các khoản vay đến với các hộ nghèo, huy động và mở rộng nguồn vốn cho vay kịp thời và phân bổ nguồn vốn đến đúng đối tượng cần vốn để hộ nghèo có nguồn lực thực hiện phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo, nâng cao chất lượng đời sống của người nghèo tại tỉnh Đắk Lắk trong thời gian tới.

Mặc dù đã đạt được kết quả nhất định, song nghiên cứu còn hạn chế ở mẫu nghiên cứu nên tính đại diện chưa cao. Bên cạnh đó mô hình chỉ xem xét một số yếu tố tác động trực tiếp đến thu nhập của hộ nghèo, trong khi đó còn có nhiều yếu tố khác có mối quan hệ gián tiếp và tác động đến thu nhập của hộ nghèo.

THE IMPACT OF VIETNAM BANK FOR SOCIAL POLICIES CREDIT ON THE INCOME OF POOR HOUSEHOLDS IN DAK LAK PROVINCE

Vo Xuan Hoi¹, Nguyen Duc Quyen¹, Pham Thanh Hung¹, Vu Trinh Vuong¹,
Nguyen Thi Tra Giang¹, Truong Hong Ha¹, Dam Thi Ly², Vo Thi Thu Nguyet³

Received Date: 11/7/2024; Revised Date: 26/7/2024; Accepted for Publication: 27/7/2024

ABSTRACT

The article is the result of a study on the impact of credit known as Vietnam Bank For Social Policies on the income of poor households in Dak Lak province. From the survey data of 240 poor households who apply for loans from the Vietnam Bank For Social Policies, the author uses the multivariate regression method to analyze. The findings show that there are 04 factors that have an impact on the income of poor households, including: The amount of loans; Household labor; Savings and Household Size. Based on the analysis results, three solutions have been proposed to help the impact of the Vietnam Bank For Social Policies credit on the income of poor households in Dak Lak province be more complete.

Keywords: Credit, Social Policy Bank, poor households income.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu tiếng Việt

Bộ Lao động - Thương binh và xã hội (2024). Báo cáo kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2023.

Chính phủ (2002), Nghị định số 78/2002/NĐ-CP của Chính phủ: Nghị định về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

Nguyễn Kim Anh, Ngô Văn Thứ, Lê Thanh Tâm và Nguyễn Thị Tuyết Mai (2011), *Nghiên cứu tài chính vi mô với người nghèo tại Việt Nam - Kiểm định và so sánh*, NXB Thống kê

Vương Quốc Duy và Lê Long Hậu (2012), *Vai trò của tín dụng chính thức trong đời sống nông hộ ở Đồng bằng sông Cửu Long*, Trường Đại học Cần Thơ: Kỷ yếu Khoa học 2012: 175 – 185.

Mai Thị Hồng Đào (2016), *Tác động của tài chính vi mô đến thu nhập của hộ nghèo ở Việt Nam*, *Tạp chí khoa học Trường Đại học Văn Hiến*, số 3, kỳ 4 năm 2016.

Nguyễn Trọng Hoài (2005), *Nghiên cứu ứng dụng các mô hình kinh tế lượng phân tích các nhân tố tác động đến nghèo đói và đề xuất xóa đói giảm nghèo ở các tỉnh Đông Nam bộ*, đề tài cấp Bộ, Trường Đại học Kinh tế TP. HCM.

Đình Phi Hồ, Đông Đức (2015), *Tác động của tín dụng chính thức đến thu nhập của nông hộ ở Việt Nam*, *Tạp chí Phát triển kinh tế*, tháng 2/2015, 26(2), 65-82.

Phan Đình Khôi (2013), *Các nhân tố ảnh hưởng đến tiếp cận tín dụng chính thức và phi chính thức của nông hộ ở đồng bằng sông Cửu Long*, *Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, Số 28 (2013) Trang: 38-53.

Trương Đông Lộc và Đặng Thị Thảo Triều (2011), *Ảnh hưởng của tín dụng nhỏ đến thu nhập của nông hộ ở tỉnh Hậu Giang*, *Tạp chí Khoa học đào tạo và Ngân hàng*, số 11, trang 20-23.

Lâm Thái Bảo Ngọc (2020), *Các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận tín dụng của hộ nông dân tỉnh Tiền Giang*, *Tạp chí Khoa học, Đại học Đồng Nai*, Số 17-2020.

Lê Khương Ninh, Phạm Văn Hùng (2011), *Các yếu tố quyết định lượng vốn vay tín dụng chính thức của hộ nông dân ở Hậu Giang*, *Tạp chí Ngân hàng*, số 9 năm 2011.

Phan Thị Nữ (2012). *Đánh giá tác động của vốn tín dụng đối với giảm nghèo ở nông thôn Việt Nam*, *Tạp chí Khoa học Đại học Huế*, tập 72B, số 3, năm 2012.

Bùi Văn Trịnh, Nguyễn Thị Thùy Phương (2014), *Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng vốn vay của hộ nghèo trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng*, *Tạp chí Phát triển và Hội nhập*, số 19 (29), tháng

¹Faculty of Economics, Tay Nguyen University;

²Finance Planning Department, Tay Nguyen University;

³Department of Science & International Relations, Tay Nguyen University;

Corresponding author: Vo Xuan Hoi; Tel: 0905841851; Email: vxhoi@ttn.edu.vn.

11-12/2014.

Tài liệu tiếng nước ngoài

Brown G. (2010), When Small is Big. Microcredit and Economic Development. Open Source Business, [http:// www.osbr.ca](http://www.osbr.ca). November 2010;

Khander, S. (2005), Microfinance and poverty: Evidence using panel data from Banladesh. Work bank Econom. Revelation, 19: 263-286.

Nichols S., 2004, A Case Study Analysis of the Impacts of Microfinance upon the Lives of the Poor in Rural China, School of Social Science and Planning RMT University.